

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Hapro
vodka

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**



Hà Nội, Tháng, 6 năm 2018

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	1
1. Thông tin khái quát	1
1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp	1
1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
2.1. Ngành nghề kinh doanh	2
2.2. Ngành nghề kinh doanh chính.....	4
2.3. Địa bàn kinh doanh.....	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
3.1. Mô hình quản trị Công ty.....	4
3.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức.....	4
3.3. Diễn giải sơ đồ:	5
3.4. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết.....	7
4. Định hướng phát triển	7
5. Các rủi ro.....	10
5.1. Rủi ro kinh tế.....	10
5.2. Rủi ro pháp luật	11
5.3. Rủi ro đặc thù	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	12
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.....	12
1.1. Khái quát tình hình kinh doanh trong năm 2017	12
1.2. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017	12
2. Tổ chức và nhân sự.....	13
2.1. Danh sách Ban điều hành.....	13
2.2. Cán bộ, công nhân viên và chính sách với người lao động.....	15
3. Các dự án công ty đang triển khai.....	16
4. Tình hình tài chính	16
4.1. Tình hình tài chính.....	16
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	17
5.1. Cổ phần	17
5.2. Cơ cấu cổ đông.....	18
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	18
5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ	18
5.5. Các chứng khoán khác.....	18
6. Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội của công ty.....	18

6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu.....	18
6.2. Tiêu thụ năng lượng.....	19
6.3. Tiêu thụ nước	19
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	19
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.....	19
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	20
6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN	20
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	20
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	20
2. Tình hình tài chính	21
2.1. Tình hình tài sản.....	21
2.2. Tình hình nợ phải trả	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	22
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	22
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	22
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	23
6.1. Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường.....	23
6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.....	23
6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.....	23
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	23
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	23
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty....	24
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	24
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	24
1. Ý kiến kiểm toán	24
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	25

11/08/2018
 11/08/2018
 11/08/2018

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.	Sơ đồ mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty	5
Bảng 1.	Kết quả kinh doanh năm 2017	12
Bảng 2.	Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/03/2018	15
Bảng 3.	Tình hình tài chính của công ty qua năm 2016 - 2017	16
Bảng 4.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	17
Bảng 5.	Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/3/2018.....	18
Bảng 6.	Tình hình sử dụng nguyên vật liệu năm 2017	19
Bảng 7.	Tình hình tài sản của công ty năm 2017	21
Bảng 8.	Tình hình nợ phải trả của công ty năm 2017	22
Bảng 9.	Kế hoạch kinh doanh năm 2018.....	22

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin khái quát****1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: Số 0102164984 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/02/2007, thay đổi lần thứ 4 ngày 27/02/2017.
- Vốn điều lệ: 32.978.600.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.978.600.000 đồng
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Hapro, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội.
- Số điện thoại: 04.38.276.600 Số fax: 04.38.276.600
- Website: <http://haprovodka.vn/>
- Mã cổ phiếu: HAV

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 01/06/2005 Tổng công ty Thương mại Hà Nội ban hành Quyết định số 161/QĐ/TCCB về việc thành lập Xí nghiệp rượu Hapro.

Ngày 02 tháng 02 năm 2007, Công ty cổ phần Rượu Hapro được thành lập mới trên cơ sở từ xí nghiệp rượu Hapro. Các cổ đông tham gia góp vốn thành lập Công ty gồm: Tổng công ty thương mại Hà Nội – Công ty TNHH với tỷ lệ vốn góp là 54,58 %, Công ty cổ phần Vang Thăng Long với tỷ lệ vốn góp là 12,13%, Công ty Đầu tư phát triển Hà Nội với tỷ lệ vốn góp là 18,19% và 15,10% là các cổ đông nhỏ khác. Hiện Công ty đang là đơn vị thành viên của Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

Ngày 23/08/2017, Công ty Cổ phần Rượu Hapro được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 5748/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

Ngày 18/10/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 198/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 3.297.860 cổ phiếu (Ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi cổ phiếu).

Ngày 23/11/2017 Công ty cổ phần Rượu Hapro được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận về việc giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch upcom theo quyết định số 1541/QĐ-SGDHN. Đến ngày 30/11/2017 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch Upcom.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**2.1. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103011230 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/03/2006 thay đổi lần thứ 8 ngày 21/7/2015, ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn đồ uống Chi tiết: – Kinh doanh cồn, rượu các loại (Không bao gồm kinh doanh quán bar); – Kinh doanh nước uống tinh khiết; + Bán buôn đồ uống có cồn; + Bán buôn rượu mạnh; + Bán buôn rượu vang; + Bán buôn bia; – Mua rượu vang ở dạng thùng rồi đóng chai mà không làm thay đổi thành phần của rượu; – Rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn; – Bán buôn đồ uống không có cồn; + Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt, có hoặc không có ga như coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác; + Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác;	4633 (Chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: – Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, bao bì dùng cho ngành thực phẩm;	4669
3	Chưng, tính cất và pha chế các loại rượu mạnh; Chi tiết: – Sản xuất, chế biến rượu, cồn công nghiệp và y tế; – Sản xuất, chế biến cồn, rượu thực phẩm;	1101
4	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: – Sản xuất nước uống tinh khiết	
5	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: – Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô;	4932
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: – Tư vấn chuyển giao công nghệ;	7490
7	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ; Chi tiết: – Lắp đặt, cung cấp thiết bị, dây chuyền sản xuất cồn, rượu;	3320
8	Bán buôn thực phẩm;	4632
9	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chi tiết: – Bán buôn vali, cặp, túi, hàng da và giả da khác; – Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; – Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; – Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; – Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; – Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; – Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
10	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722
11	Bán buôn tổng hợp	4690
12	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar);	5630
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	5610
14	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
15	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230

STT	Tên ngành	Mã ngành
16	Dịch vụ đóng gói (Không bao gồm sang chai đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);	8292
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi chưa có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);	8299

2.2. Ngành nghề kinh doanh chính

Công ty cổ phần Rượu Hapro chuyên sản xuất, chế biến rượu, còn công nghiệp và y tế. Hoạt động kinh doanh chính mang lại doanh thu cho Công ty là hoạt bán hàng. Công ty thực hiện sản xuất các mặt hàng như: rượu vodka, còn... rồi mang bán cho nhà cung cấp, khách hàng có nhu cầu. Ngoài ra công ty còn kinh doanh thương mại các mặt hàng doanh nghiệp không sản xuất để tăng thêm lợi nhuận cho doanh nghiệp.

2.3. Địa bàn kinh doanh

Từ khi thành lập đến nay, Công ty CP Rượu Hapro không ngừng nỗ lực mở rộng phạm vi kinh doanh trong lĩnh vực rượu và còn trên toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị Công ty

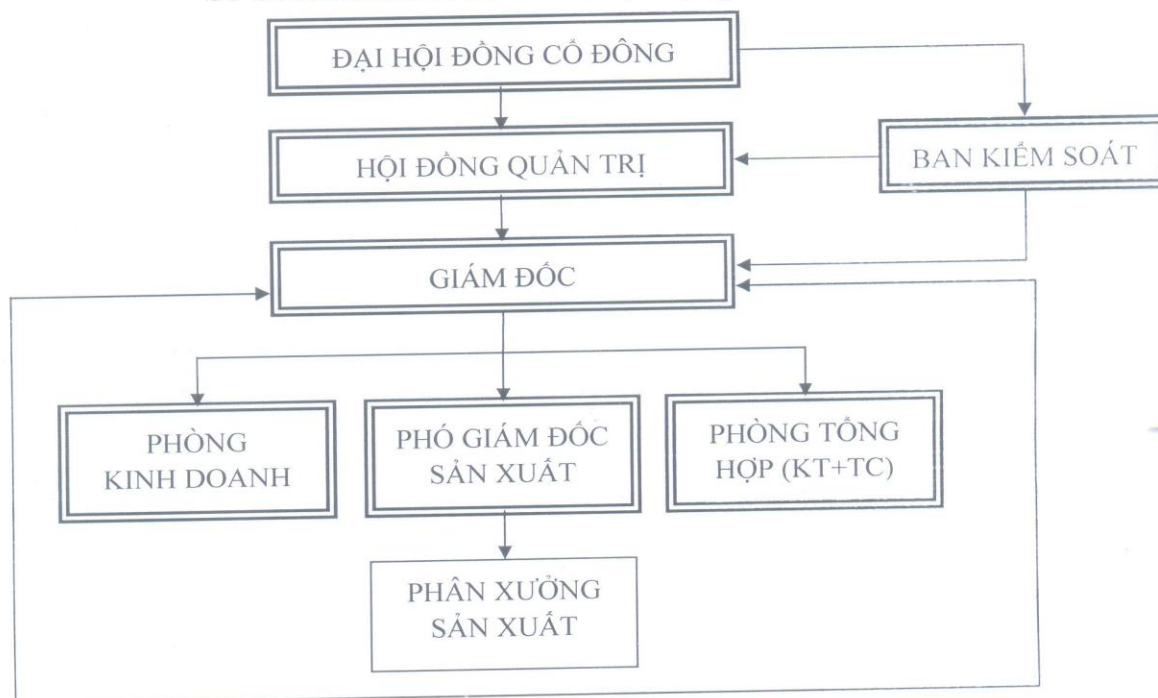
Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị gồm 3 thành viên, Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, Ban Giám đốc gồm Giám đốc và Phó Giám đốc. Cơ cấu tổ chức được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo chức năng

g công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Giám đốc quản lý điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc thông qua các phòng ban, đơn vị.

3.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty thể hiện dưới sơ đồ sau:

Sơ đồ mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty



(Nguồn: CTCP Rượu Hapro)

3.3. Diễn giải sơ đồ:**✦ Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

✦ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

✦ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm tra nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban

kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

✦ Giám đốc

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc thực hiện quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

✦ Phó Giám đốc sản xuất

Phó Giám đốc sản xuất do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, làm việc dưới sự chỉ đạo của Giám đốc, thực hiện việc quản lý, điều hành hệ thống quản lý chất lượng và vấn đề kỹ thuật của nhà máy. Nghiên cứu phát triển các qui trình sản xuất của nhà máy và đảm bảo tiến độ sản xuất theo kế hoạch đã được hoạch định Đảm bảo các thiết bị, máy móc được vận hành tốt và khả năng xây dựng và quản lý hệ thống kiểm soát chất lượng của nhà máy. Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các vấn đề liên quan mọi hoạt động của nhà máy.

✦ Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh là bộ phận tham mưu, giúp việc cho giám đốc về công tác bán các sản phẩm của Công ty; công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, phát triển thị trường; công tác xây dựng và phát triển mối quan hệ khách hàng. Chịu trách nhiệm trước giám đốc về các hoạt động đó trong nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

✦ Phòng tổng hợp (Kế toán và tổ chức)

Phòng tổng hợp thực hiện công tác kế toán và công tác tổ chức hành chính của Công ty

Về công tác kế toán: Có chức năng quản lý tài chính, giám sát mọi hoạt động kinh tế, tài chính trong Công ty, tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê kinh tế và hoạch toán kinh tế của Công ty theo quy định của pháp luật

Về công tác tổ chức: Quản lý, tổ chức, đào tạo lao động, pháp chế, tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Đề xuất với Giám đốc về lĩnh vực tổ chức kết cấu bộ máy làm việc và bố trí nhân sự trong Công ty, đảm bảo đúng người đúng việc. Quản lý tài liệu, giấy tờ và các công văn đến, công văn đi của công ty.

✦ Phân xưởng sản xuất

Phân xưởng sản xuất thực hiện công tác sản xuất tại nhà máy theo chỉ đạo điều hành của Phó Giám đốc sản xuất.

3.4. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết

✓ Công ty mẹ:

Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty TNHH

- Địa chỉ: Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101273 cấp lần đầu ngày 08/02/1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 09/10/2014.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh Xuất nhập khẩu và Thương mại nội địa. Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ; cung ứng các dịch vụ: nhà hàng ăn uống, du lịch lữ hành, kho vận, trung tâm miễn thuế nội thành; sản xuất, chế biến: hàng thực phẩm, gia vị, đồ uống, thủ công mỹ nghệ, may mặc.

- Mã số thuế: 010010273

- Vốn điều lệ: 2.300.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Rượu Hapro ngày 21/09/2017: 54,58%

- Giá trị vốn góp (Tính theo mệnh giá): 18.000.000.000 đồng.

✓ Công ty con: Không có

✓ Công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển**✚ Định hướng của Công ty**

Mục tiêu phấn đấu trở thành một đơn vị vững mạnh tiêu biểu trong ngành sản xuất đồ uống có cồn. Để thực hiện tốt được mục tiêu trên, Công ty sẽ phải huy động mọi nguồn lực về con người, tài chính và kinh nghiệm sẵn có, kết hợp với việc mở rộng và đầu tư chiều sâu theo định hướng:

- Duy trì chất lượng sản phẩm ở mức cao. Cung cấp cho các cơ sở ở ngoại thành và các tỉnh liên kết với Hà Nội. Xây dựng thương hiệu sản phẩm của Công ty cũng như sản phẩm của ngành.

- Tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm mục đích thu lợi nhuận, Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, phấn đấu doanh thu tăng hằng năm góp phần thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước, đảm bảo quyền lợi người lao động trong công ty.

- Tạo ra nhiều sản phẩm mới phù hợp với yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Làm cơ sở tiếp nhận những thành tựu khoa học công nghệ sinh học tiên tiến trong nước và trên thế giới. Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật theo hướng công nghiệp hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản phẩm.

- Đào tạo, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật để chuyển giao công nghệ cho các cơ sở. Mở rộng ngành nghề: xây dựng, dịch vụ, kinh doanh dịch vụ du lịch để giải quyết công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Phát triển theo hướng kinh doanh tổng hợp; khai thác các tiềm năng, nguồn lực về con người, đất đai, khoa học công nghệ; đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ. Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Quan tâm tốt tới đời sống vật chất lẫn tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng chương trình nghiên cứu, lập các dự án ứng dụng tiên bộ kỹ thuật về các lĩnh vực phục vụ nhằm tạo 1 chuỗi giá trị khép kín trong quản lý của cơ quan chuyên môn như: sản xuất chế biến; xử lý ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất rượu;

- Đảm bảo thực hiện tốt các chính sách xã hội, các chế độ, quyền lợi cho người lao động như BHXH, BHYT, BHTT, thi nâng bậc, nâng lương; các chế độ nghỉ ốm đau, thai sản, nghỉ hưu được thực hiện theo đúng qui định. Hoàn thành 100% các khoản nghĩa vụ đóng góp với nhà nước.

✦ Chiến lược về nhân sự

- Trong những năm tới, Công ty dần sắp xếp nhân sự, tinh giản bộ máy gọn nhẹ, bố trí công việc hợp lý, đúng người, đúng việc, phù hợp với chuyên môn, năng lực để dần chọn lọc, giảm thiểu tối đa lực lượng lao động gián tiếp hoặc các lao động không đủ trình độ, mặt khác, tạo cơ chế thuận lợi, hậu đãi để thu hút nguồn chất xám từ bên ngoài phục vụ nhu cầu của Công ty, đồng thời có kế hoạch để đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho toàn bộ lao động.

- Xác định con người là yếu tố quan trọng đối với tiến trình phát triển của Công ty, ban lãnh đạo Công ty đã trăn trở rất nhiều về các vấn đề này, từng bước khắc phục và đưa ra định hướng, sắp xếp bộ máy hợp lý, tinh giảm bớt lao động dôi dư, giải quyết chế độ thỏa đáng cho người lao động. Tuy lực lượng lao động của Công ty có giảm đi nhưng tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên sâu lại tăng cao. Trong những năm tới, Công ty tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư mạnh mẽ về con người, vừa tinh giảm lao động dư thừa, vừa nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và các vị trí chủ chốt khác.

✦ Chiến lược về đầu tư khoa học công nghệ

Trong những năm qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa đáp ứng được các hoạt động của Công ty, từ các hoạt động thường xuyên của khối văn phòng Công ty đến các cơ sở sản xuất. Sự liên kết, trao đổi thông tin nội bộ không nhanh chóng, không thuận lợi cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả, quản lý, điều hành sản xuất, hay hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ban lãnh đạo của Công ty đã nhận thức rõ được vai trò to lớn của công nghệ thông tin trong công tác điều

hành và quản lý sản xuất, Công ty vạch ra kế hoạch để tiến hành hiện đại hóa công tác quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh bằng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại.

✚ **Chiến lược về sản xuất kinh doanh:**

Xác định rõ những thuận lợi khó khăn như đã phân tích ở trên, Công ty đưa ra các giải pháp chiến lược sau:

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, sắp xếp lao động theo hướng chuyên môn hóa cao, thực hiện áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh, đổi mới tư duy quản lý, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kỹ thuật.
- Làm tốt công tác đào tạo cán bộ, bố trí cán bộ và khuyến khích theo hướng trẻ hóa đội ngũ cán bộ, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, phổ cập và đưa công nghệ thông tin vào công tác quản lý và sản xuất.
- Tăng cường ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất, chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác nghiên cứu các đề tài khoa học, nghiên cứu ứng dụng khoa học để áp dụng vào sản xuất.
- Từng bước xác lập cơ chế sản xuất kinh doanh, chính sách mua và bán hàng phù hợp với nền kinh tế thị trường nhất là đối với các ngành nghề kinh doanh mới.
- Mở rộng quan hệ đối ngoại, thông tin quảng cáo, xây dựng và quảng bá thương hiệu các sản phẩm, các dịch vụ của Công ty.
- Không ngừng nâng cao uy tín, tích cực kêu gọi đầu tư, coi trọng kêu gọi đầu tư nước ngoài để tiếp thu tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và sự hỗ trợ về máy móc, thiết bị cũng như kinh phí thực hiện.
- Tận dụng các nguồn lực tài chính để nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, máy móc thiết bị chuyên ngành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, tiết kiệm chi tiêu, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo mục tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường.

✚ **Chiến lược marketing:**

- Đẩy mạnh hoạt động Marketing, phát triển thương hiệu, tăng ngân sách cho hoạt động Marketing và phát triển thương hiệu, quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng, đài báo và các phương tiện truyền thông khác.
- Củng cố và mở rộng quan hệ đối với các đơn vị trong ngành, tích cực đàm phán, tìm kiếm bạn hàng, xử lý các vấn đề liên quan và chỉ đạo sát sao tiến độ các dự án của Công ty trên mọi lĩnh vực.

- Xây dựng hệ thống nhận dạng thương hiệu và chuỗi liên kết sản phẩm. Xây dựng các hệ thống đại lý, các cửa hàng bán lẻ, quảng bá, tiêu thụ tới tận tay người tiêu dùng các sản phẩm của Công ty từ các khâu

- Mở rộng mạng lưới và đại lý trong khu vực Hà nội và các tỉnh thành lân cận.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế

+ Tăng trưởng GDP

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2018 ước tính tăng 7,38% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất của quý I trong 10 năm gần đây. Các chuyên gia kinh tế World Bank nhận định rằng tăng trưởng quý I/2018 đạt giá trị cao chính là do phần "gia tốc" của nửa cuối năm ngoái hay Việt Nam đang bắt đầu chu kỳ tăng trưởng cao, bền vững. Trong mức tăng 7,38% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,05%, đóng góp 0,46 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,70%, đóng góp 3,39 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,70%, đóng góp 2,75 điểm phần trăm. Nhìn vào những kết quả tích cực từ tăng trưởng kinh tế quý I, PGS, TS. Nguyễn Đức Thành, Viện trưởng Viện Nghiên cứu kinh tế và chính sách (VEPR) dự báo, năm 2018 nhiều khả năng tăng trưởng GDP đạt tới 6,83%, vượt mục tiêu của Quốc hội thông qua là 6,5 – 6,7%; Ngân hàng ANZ đưa ra dự báo về tăng trưởng GDP năm 2018 của Việt Nam là 6,8%; Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cũng đưa ra dự báo, tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ tăng lên 7,1% trong năm 2018. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng chỉ ra những thách thức đối với triển vọng kinh tế đặc biệt là chủ nghĩa bảo hộ thương mại toàn cầu, các xung đột thương mại đặc biệt là từ những đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Mỹ, Trung Quốc, ... có thể dẫn tới những tác động lan tỏa tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

+ Lạm phát

CPI bình quân quý I năm 2018 tăng 2,82% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. CPI tháng 3/2018 tăng 0,97% so với tháng 12/2017 và tăng 2,66% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 3/2018 giảm 0,09% so với tháng trước và tăng 1,38% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân quý I/2018 tăng 1,34% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Với những kết quả tích cực trong tăng trưởng kinh tế, lạm phát năm 2018 của Việt Nam cũng được VEPR dự báo không còn thấp như năm 2017, mà có thể ở mức 4,2%, cao hơn mục tiêu đề ra là 4%. Trong cuộc họp quý I/2018 của Ban Chỉ đạo điều hành giá, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ yêu cầu các bộ, ngành bám sát kịch bản tăng CPI năm 2018 ở mức 3,55% để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể.

✦ Lãi suất

Tính đến thời điểm 20/3/2018, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,23% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ năm trước tăng 2,88%); huy động vốn của các ngân hàng thương mại tăng 2,20% (cùng kỳ năm trước tăng 2,43%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 2,23% (cùng kỳ năm trước tăng 2,81%).

Lãi suất huy động hiện nay khá ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,6 - 1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3 - 5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3 - 6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5 - 7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6 - 6,5%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8 - 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3 - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4 - 5%/năm.

5.2. Rủi ro pháp luật

- Rủi ro Pháp luật: Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần (CTCP) đồng thời là công ty đại chúng, Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về CTCP, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Ngoài ra với đặc thù hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp,...

- Hệ thống pháp luật nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp. Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật và chính sách quản lý của Nhà nước, từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

5.3. Rủi ro đặc thù**✦ Rủi ro về Chính sách của Nhà nước**

Các Công ty trong ngành chế biến đồ uống có cồn nói chung cũng như Công ty cổ phần Rượu Hapro nói riêng đều phải chịu rủi ro từ chính sách của Nhà nước đối với ngành bia, rượu, trong đó việc điều chỉnh thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt tăng thêm 5%, lên mức 60% từ đầu năm 2017 (trong lộ trình tăng thuế lên 65% đến năm 2018). Ngoài ra, cuối năm 2016 Quốc hội đưa ra dự thảo Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia khiến cho hoạt động sản xuất, tiêu dùng càng bị hạn chế.

✦ Rủi ro về cạnh tranh từ rượu lậu

Trong năm 2017, doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất rượu chính thống đều thấp hơn trước, sản lượng ngày càng giảm do nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong khi đó rượu dân tự nấu lại ngày càng tăng... Tổng sản lượng rượu do

các nhà máy sản xuất đạt khoảng 70 triệu lít, nếu tính chung cả rượu dân tự nấu đạt khoảng 343 triệu lít.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

1.1. Khái quát tình hình kinh doanh trong năm 2017

Do đặc thù về hoạt động sản xuất kinh doanh, kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ 01/04 năm trước và kết thúc vào 31/03 năm sau.

Năm 2017 (từ 01/04/2017 đến 31/03/2018) tình hình kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, các sản phẩm mà Công ty sản xuất không tiêu thụ được, các thiết bị máy móc dùng trong sản xuất đã cũ, lạc hậu và một số thiết bị đã hết khấu hao. Doanh thu chủ yếu của Công ty trong năm 2017 đến từ hoạt động kinh doanh bán cồn, rượu Vodka Hapro, cho thuê nhà xưởng. Tuy nhiên doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh rượu chỉ đạt 1,1 tỷ đồng giảm 58,35% so với năm trước. Doanh thu thuần thấp trong khi các chi phí giá vốn hàng bán và các khoản chi phí khác lại khá cao khiến Công ty hoạt động thua lỗ và tiếp tục không chi trả cổ tức cho các cổ đông. Năm 2016 Công ty có thêm khoản thu nhập khác chủ yếu từ việc chuyển nhượng đất với Công ty cổ phần Vang Thăng Long khiến hoạt động của Công ty đang từ thua lỗ trở nên có lãi. Tuy nhiên, sang năm 2017 các khoản thu nhập khác của Công ty khá thấp trong khi các khoản chi phí lại cao khiến cho tình hình hoạt động của Công ty ngày càng khó khăn hơn. Đặc biệt, từ tháng 1/2018 mặt hàng rượu Công ty chịu mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 65% cũng là một trong những nguyên nhân gây ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

1.2. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017

Bảng 1. Kết quả kinh doanh năm 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	%/2016	%/Kế hoạch
1. Doanh thu thuần	2.653	3.500	1.105	-58,35%	-68,43%
- Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.653	-	1.105	-58,35%	-
2. Giá vốn hàng bán	2.877	-	2.307	-19,81%	-
3. Lợi nhuận gộp	(225)	-	(1.202)	434,22%	-
4. Tỷ lệ lãi gộp	-8,48%	-	-108,78	128.178,30%	-
5. Tổng chi phí	7.013	-	1.333	-80,99%	-

Khoản mục	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	%/2016	%/Kế hoạch
- Chi phí quản lý	4.169	-	947	-77,28%	-
- Chi phí bán hàng	2.768	-	326	-88,22%	-
- Chi phí tài chính	76	-	60	-21,05%	-
6. Thu nhập khác	21.029	-	19	-99,91%	-
7. Chi phí khác	9.855	-	287	-97,09%	-
8. Lợi nhuận trước thuế	3.945	-	(2.801)	-171,00%	-
9. Thuế TNDN	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế	3.945	-	(2.801)	-171,00%	-
11. Hàng tồn kho	2.445	-	1.395	-42,94%	-
12. Nợ phải thu	6.612	-	4.714	-28,71%	-
13. Dư nợ vay tín dụng	1.200	-	1.200	-	-
- Dài hạn	-	-	-	-	-
- Ngắn hạn	1.200	-	1.200	-	-
14. Cổ tức	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2017 đã được kiểm toán của CTCP Rượu Hapro)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Vũ Tuấn	Giám đốc

✦ Ông Trần Vũ Tuấn – Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty

- Họ và tên: Trần Vũ Tuấn
- Ngày tháng năm sinh: 10/09/1961
- Nơi sinh: Kiến Xương, Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 1 ngõ 1 Phố Phan Chu Trinh, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Chứng minh nhân dân: 001061000737 Do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 18/4/2014.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế- Đại học Ngoại Thương

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ tháng 11/1985 đến tháng 08/1997	Cán bộ phòng Kế hoạch, vật tư, nhập khẩu Công ty TNHH NN 1 TV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội
Từ tháng 09/1997 đến tháng 02/2000	Phó phòng Nhập khẩu Công ty TNHH NN 1 TV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội
Từ tháng 03/2000 đến tháng 10/2001	Quyền Trưởng phòng Nhập khẩu Công ty TNHH NN 1 TV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội.
Từ tháng 11/2001 đến tháng 10/2005	Trưởng phòng Nhập khẩu Công ty TNHH NN 1 TV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội
Từ tháng 11/2005 đến tháng 02/2010	Phó Giám đốc Trung tâm Genexim trực thuộc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội.
Từ tháng 03/2010 đến tháng 07/2010	Quyền Chánh văn phòng Công ty TNHH NN 1 TV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội
Từ tháng 08/2010 đến tháng 01/2012	Chánh văn phòng Công ty TNHH NN 1 TV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội
Từ tháng 05/2014 đến nay	Giám đốc Trung tâm kinh doanh hàng Miễn thuế trực thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Chủ tịch HĐQT kiêm GD Công ty CP Rượu Hapro.

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần rượu Hapro
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Trung tâm kinh doanh hàng Miễn thuế - Tổng công ty thương mại Hà Nội
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến tháng 31/3/2018
 - + Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty
 - + Số cổ phần sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty TNHH: 1.305.321 cổ phần chiếm 39,58 % tổng số cổ phần của Công ty.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có

- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với công ty: không có.

2.2. Cán bộ, công nhân viên và chính sách với người lao động

✦ Số lượng lao động trong công ty:

Tính đến 31/03/2018 tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là: 13 người

Bảng 2. Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/03/2018

STT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo trình độ	13	100
1	Trên Đại học	0	0,00
2	Có trình độ đại học	4	17,39
3	Có trình độ trung cấp, cao đẳng	0	0,00
4	Có trình độ kỹ thuật nghiệp vụ và lao động phổ thông	9	39,13
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	13	100
1	Số lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0,00
2	Số lao động ký HĐLĐ không xác định thời hạn	13	100
3	Số lao động ký HĐLĐ xác định thời hạn từ 1-3 năm	0	0,00
4	Số lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 1 năm, thử việc	0	0.00

(Nguồn: CTCP Rượu Hapro)

✦ Chính sách lao động và tiền lương đối với người lao động

- Tiếp tục thực hiện việc đánh giá, bố trí sắp xếp nhân lực theo yêu cầu chất lượng, hiệu quả và bảo đảm việc làm lâu dài cho người lao động.
- Tập trung nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chuyên môn cho cán bộ nghiệp vụ. Xây dựng chính sách cử đi đào tạo, bồi dưỡng các khóa ngắn hạn dài hạn trong và ngoài nước, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm thực tế.
- Xây dựng chính sách để thu hút nhân lực có trình độ cao, uy tín, có kinh nghiệm đồng thời có chế độ đãi ngộ đối với việc tuyển dụng lao động mới, trẻ có năng lực, trình độ, có kinh nghiệm về quản lý và chuyên môn giỏi vào những vị trí và lĩnh vực then chốt của Công ty.
- Xây dựng quy chế trả lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng

ngành nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo, hăng say làm việc với chất lượng và hiệu quả cao. Mức lương trung bình của CBCNV Công ty năm 2016 là: 3,9 triệu đồng/người/tháng. So với tình hình các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và thuộc Tổng công ty thương mại Hà Nội – Công ty TNHH thì mức lương của Công ty còn thấp.

- Ngoài điều kiện lao động, chế độ tiền lương, thưởng.... công ty sẽ tiếp tục truyền thông là chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần; và tổ chức tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3. Các dự án công ty đang triển khai

Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Bảng 3. Tình hình tài chính của công ty qua năm 2016 - 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	38.193	29.874	-21,78%
2	Vốn chủ sở hữu	21.354	18.553	-13,12%
3	Doanh thu thuần	2.653	1.105	-58,35%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(7.228)	(2.532)	-64,97%
5	Lợi nhuận khác	11.173	(268)	-102,40%
6	Lợi nhuận trước thuế	3.945	(2.801)	-171,00%
7	Lợi nhuận sau thuế	3.945	(2.801)	-171,00%
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	6.475	5.626	-13,11%

(Nguồn: BCTC từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 đã được kiểm toán của CTCP Rượu Hapro)

Nhìn chung hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017 có sự giảm mạnh so với các năm trước. Năm 2017 tổng giá trị tài sản giảm 21,78% chủ yếu là do hoạt động kinh doanh của Công ty giảm khiến mức dự trữ tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho và một số loại tài sản dài hạn khác đều giảm. Do hoạt động kinh doanh ít nên Công ty hạn chế việc sử dụng khoản nợ phải trả, lợi nhuận sau thuế giảm và ở mức âm nên vốn chủ sở hữu cũng giảm nhẹ từ 21 tỷ đồng xuống còn

18,6 tỷ đồng, giảm 13,12% so với năm 2016. Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017 gặp nhiều khó khăn, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm mạnh 1,5 tỷ đồng tương ứng với giảm 58,35% so với năm 2016 do sản phẩm mà Công ty sản xuất không bán được, Công ty chủ yếu kinh doanh mặt hàng rượu nhập khẩu để duy trì doanh thu và hoạt động của Công ty. Doanh thu thuần giảm buộc Công ty phải giảm các chi phí nhưng mức chi phí còn cao khiến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ở mức âm. Khoản chi phí khác cũng cao hơn so với thu nhập khác nên lợi nhuận khác cũng giảm và âm. Các khoản lợi nhuận đều âm cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn và tiếp tục rơi và tình trạng thua lỗ. Vốn chủ sở hữu giảm khiến giá trị sổ sách của một cổ phiếu chỉ còn 5.626 đồng, giảm 13,11% so với năm 2016.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,13	1,06
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,99	0,94
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,44	1,65
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,79	0,04
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	1,18	1,65
Vòng quay Tổng tài sản	Lần	0,07	0,04
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	%	148,72	-253,52
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,48	-15,09
Hệ số LNST/Bình quân Tổng tài sản (ROA)	%	10,33	-9,37
Hệ số LN HĐKD/Doanh thu thuần	%	148,72	-253,52

(Nguồn: BCTC từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 đã được kiểm toán của CTCP Rượu Hapro)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/3/2018:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: **3.297.860** cổ phần

- Trong đó :

- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 3.297.860 cổ phần
- Hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 31/3/2018 cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 5. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/3/2018

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	209	3.297.860	100
1	Tổ chức	4	2.800.000	84,90
2	Cá nhân	205	497.860	15,10
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		209	3.297.860	100

(Nguồn: CTCP Rượu Hapro)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

5.5. Các chứng khoán khác

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu

- ± Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm

Bảng 6. Tình hình sử dụng nguyên vật liệu năm 2017

TT	Nguyên liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị (đồng)
1	Cồn nguyên liệu (cồn thô)	lít	10.000	160.000.000

(Nguồn: CTCP Rượu Hapro)

✦ Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên liệu được tái sử dụng để sản xuất

Công ty không sử dụng lại nguyên liệu đã được sử dụng nên không có nguyên liệu tái sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng**✦ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp**

Năm 2017, Công ty tiêu thụ trực tiếp 13.492 số điện, tương ứng với 44.523.600 đồng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp.

✦ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Không có

✦ Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, báo cáo kết quả của sáng kiến này

Không có

6.3. Tiêu thụ nước**✦ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng**

- Nguồn nước máy của Công ty được cung cấp bởi Công ty cổ phần Nội thất sinh thái Hapro.

- Trong năm 2017, Công ty đã sử dụng hết 1.313m³ nước tương đương với 13.782.850 đồng.

✦ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Nước của Công ty đều chỉ được sử dụng 1 lần.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**✦ Số lần bị xử phạt vi phạm không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường**

Không có

✦ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**✦ Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

Tính đến hết 31/3/2018, Công ty có 13 lao động, mức lương trung bình của toàn thể CBCNV công ty là 4.000.000 đồng/ người/ tháng.

✦ **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

Hàng năm công ty tổ chức người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác. Ngoài ra người lao động được khám bệnh tổng quát định kỳ 1 lần/năm.

✦ **Hoạt động đào tạo người lao động**

Tập trung nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chuyên môn cho cán bộ nghiệp vụ. Công ty bố trí lao động luân phiên đi đào tạo, bồi dưỡng các khóa ngắn hạn dài hạn, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm thực tế

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn thực hiện đúng trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi đơn vị có trụ trở chính.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Khó khăn

- Hiện nay cơ sở sản xuất của Công ty vẫn còn thô sơ, lạc hậu, các thiết bị máy móc phục vụ sản xuất là thiết bị cũ, cho năng suất sản phẩm không cao.
- Tình trạng rượu lậu nhập khẩu vẫn còn tồn tại, nhất là vào các dịp lễ Tết. Vấn đề sản xuất, tiêu thụ rượu thủ công, rượu làng nghề chưa được quản lý một cách chặt chẽ, hiệu quả theo các quy định của Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 về sản xuất kinh doanh rượu.
- Việc xác định thuế suất và phương pháp xác định thuế tiêu thụ đặc biệt thay đổi theo hướng tăng lên và chặt chẽ hơn đã ảnh hưởng tới kết quả sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ của các doanh nghiệp.
- Tình hình thiên tai, lũ lụt, hạn hán, sự cố môi trường ở miền Trung... tác động lớn tới đời sống một bộ phận người tiêu dùng, ảnh hưởng đến sức mua tiêu dùng nói chung và đồ uống nói riêng.

b. Thuận lợi

- Do nền kinh tế ngày càng phát triển nên nhu cầu sử dụng đồ uống có ga, cồn ngày càng tăng cao. Nền kinh tế phát triển đi kèm với dân số trẻ Việt Nam là một thị trường tiềm năng cho các nhà cung cấp đồ uống có cồn.

- Hơn 10 năm hoạt động trên thị trường Công ty đã tạo được thương hiệu uy tín đối với khách hàng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn theo đúng chiến lược kinh doanh của Công ty đã đề ra.

- Ngành Bia – Rượu phát triển có sự quản lý chặt chẽ, thậm chí thấp hơn quy hoạch, chứ không phải phát triển ồ ạt và tiêu thụ bia lớn nhất khu vực như một số thông tin vừa qua trên báo chí. Theo đánh giá của Công ty S.S Steiner thì sản lượng bia bình quân đầu người của Việt Nam đứng thứ 52 thế giới, đạt 34,3 lít/người, thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực như Lào (50,8 lít), Thái Lan (38,1 lít), Trung Quốc (37,3 lít), Nhật Bản (44 lít)... Trong 10 tháng năm 2016, sản lượng bia toàn ngành đạt 3,045 tỷ lít, tăng 8,3% so với cùng kỳ.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Bảng 7. Tình hình tài sản của công ty năm 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm so năm 2016
1. Tài sản ngắn hạn	19.044	12.044	-36,76
– Tiền và các khoản tương đương tiền	4.333	301	-93,05
– Các khoản phải thu ngắn hạn	6.612	4.714	-28,71
– Hàng tồn kho	2.445	1.395	-42,94
– Tài sản ngắn hạn khác	5.654	5.635	-0,34
2. Tài sản dài hạn	19.149	17.830	-6,89
– Tài sản cố định	9.117	8.317	-8,77
– Tài sản dở dang dài hạn	522	522	0,00
– Tài sản dài hạn khác	9.510	8.990	-5,47
Tổng tài sản	38.193	29.874	-21,78

(Nguồn: BCTC từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 đã được kiểm toán của Công ty)

2.2. Tình hình nợ phải trả

Bảng 8. Tình hình nợ phải trả của công ty năm 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm so với năm 2016
Nợ ngắn hạn	16.839	11.321	32,77
Nợ dài hạn	-	-	-
Nợ phải trả	16.839	11.321	32,77

(Nguồn: BCTC từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 đã được kiểm toán của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2017 công ty không có cải tiến về cơ cấu tổ chức.

Về Công tác quản lý: HĐQT đã cùng Giám đốc tiếp tục tăng cường quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, quán triệt tinh thần và nghiêm túc thực hiện chính sách khen thưởng đồng viên, trách nhiệm vật chất trong chấp hành kỷ luật lao động; sử dụng các biện pháp tích cực kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ vào kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2017 và năng lực hiện tại của Công ty. Ban Giám đốc sẽ trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2018, cụ thể:

Bảng 9. Kế hoạch kinh doanh năm 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018	Ghi chú
Tổng Doanh thu	Triệu đồng	2.500	
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	16	
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	32.978,6	
Số lượng lao động	Người	13	
Thu nhập bình quân	Triệu đồng	4	
Cổ tức	%	0	

(Nguồn: Công ty CP Rượu Hapro)

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Phần công nợ phải thu khó đòi theo ước tính của kiểm toán 797.843.916 đồng năm 2017 Công ty chưa trích lập dự phòng là do hiện nay Công ty đã phân loại và

đánh giá các khoản nợ theo khả năng chi trả và đang trong giai đoạn thu hồi công nợ.

- Phần chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn cần phân bổ với tổng chi phí là 5.621.470.344 đồng và 1.613.142.184 đồng kiểm toán đã nêu trong ý kiến ngoại trừ: doanh nghiệp đánh giá các chi phí này chưa phù hợp để phân bổ vào chi phí sản xuất trong kỳ.

- Phần tài sản thiếu chờ xử lý với giá trị 3.188.013.102 đồng kiểm toán nêu, đây là khoản hàng hóa của Công ty mang đi ký gửi từ nhiều năm trước, hồ sơ chứng từ đang được soát xét để lên phương án xử lý, quy trách nhiệm cá nhân tập thể nên chưa hạch toán vào chi phí.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường

- Đẩy mạnh hoạt động tiết kiệm nguồn tài nguyên, năng lượng;
- Sử dụng các thiết bị có hiệu suất thấp bằng các thiết bị có dán nhãn tiết kiệm năng lượng;
- Tăng cường thu hồi tài nguyên có thể tái sử dụng;
- Thực hiện các hoạt động thuộc hệ thống an toàn sức khỏe môi trường, phù hợp theo quy định của pháp luật.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Đảm bảo an toàn sản xuất;
- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn thể cán bộ, công nhân viên công ty, xây dựng ý thức thực hiện thường xuyên sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Thực hiện đầy đủ 100% và phù hợp các yêu cầu pháp luật của Nhà nước quy định

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Tất cả các khoản thu chi tại công ty đều minh bạch, lành mạnh, hợp pháp và ghi chép đầy đủ, rõ ràng trong sổ sách kế toán. Ngoài ra, Công ty và CBCNV tích cực tham gia các hoạt động xã hội, vì cộng đồng. Bên cạnh đó, việc bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, các chính sách chăm lo quyền lợi cho người lao động được Ban điều hành quan tâm và chấp hành đúng theo quy định

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty

Thông qua các cuộc họp của HĐQT, qua thông tin liên lạc như thư điện tử, báo cáo bằng văn bản về các công việc được giao và gặp gỡ trực tiếp. HĐQT đã trao đổi ý kiến với Ban giám đốc về việc thực hiện kế hoạch SXKD và các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. HĐQT cùng Ban giám đốc tìm ra các giải pháp khắc phục khó khăn để hoàn thành nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS để đóng góp ý kiến cho Ban giám đốc nhằm không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

HĐQT đã thảo luận và thông qua vấn đề thực hiện kế hoạch SXKD và phương án triển khai các quý tiếp theo để Ban giám đốc có cơ sở tổ chức thực hiện.

Kết luận: Theo đánh giá của HĐQT, Ban giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ được giao năm 2017, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm tới, Hội đồng quản trị thực hiện chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc thực hiện các hoạt động sản xuất – kinh doanh và việc đầu tư một cách có hiệu quả, đồng thời hỗ trợ sát sao Ban Giám đốc nhằm hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 và đạt mức tăng trưởng cao.

Chỉ đạo việc kiểm soát, thực hiện các giải pháp cụ thể về tài chính để bảo toàn, phát triển vốn Điều lệ của Công ty.

Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, các chế độ chính sách, quyền lợi và điều kiện làm việc đối với cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Ý kiến kiểm toán

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

- Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu có dấu hiệu tổn thất với giá trị cần trích lập ước tính là 797.843.916 đồng.
- Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí trả trước cần phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Số chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn phân bổ không đầy đủ, không đúng thời gian quy định lần lượt là 5.621.470.344 đồng và 1.613.142.184 đồng.
- Chúng tôi không thu thập được bằng chứng để đánh giá khả năng thu hồi của khoản mục “Tài sản thiếu chờ xử lý” trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm

31/2/2018 với giá trị 3.188.013.102 đồng (tại 31/3/2017 là 3.209.725.975 đồng. Công ty đang tiếp tục thu hồi từ các cá nhân và tổ chức liên quan.

Vấn đề khác

- Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được kiểm toán độc lập bởi kiểm toán viên khác, và đã đưa ra Báo cáo kiểm toán ký ngày 26 tháng 5 năm 2017 có ý kiến dạng ngoại trừ do các nội dung sau: trích lập dự phòng phải thu khó đòi và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, chi phí trả trước chờ phân bổ.

- Vấn đề trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã được điều chỉnh và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018, các vấn đề về trích lập dự phòng phải thu khó đòi, về chi phí trả trước chờ phân bổ tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 và đã được Kiểm toán viên nêu ý kiến kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán này.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Các báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty đã được công bố đầy đủ trên website của Công ty và các phương tiện công bố thông tin khác:

Đường link báo cáo tài chính của Công ty: <http://haprovodka.vn/co-dong/bao-cai-tai-chinh-tu-ngay-01-4-2017-den-31-3-2018-cua-ctcp-ruou-hapro-78.html>

GIÁM ĐỐC CÔNG TY *Drugs*

TRẦN VŨ TUÂN